

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **66/2024/HS-ST**

Ngày: 16/7/2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thu Hà.

Ông Lâm Hoàng Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đức - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Việt Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 72/2024/TLST-HS ngày 21 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2024/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo.

Lê Đức T; Sinh ngày: 20/4/1993; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: 133/8G1 đường VT, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh;住所: Không nơi cư trú ổn định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Đức H và bà: Lý Ngọc L; Có vợ: Là bà Trần Thị L1 và con: Có 02 người con, lớn sinh năm 2021, nhỏ sinh năm 2022; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giam ngày 21/9/2023.

Nhân thân: Ngày 07/11/2017, bị Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở Cai nghiện bắt buộc 15 tháng về hành vi sử dụng chất ma túy (Quyết định số: 291/QĐ-TA). Chấp hành xong ngày 18/12/2018 (Giấy chứng nhận số: 948/GCN-CS1 ngày 27/11/2018 của Cơ sở cai nghiện ma túy Số 1).

(bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- Bị hại:

Doanh nghiệp tư nhân KSNH; Địa chỉ: 183 đường SH, Phường J, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chủ doanh nghiệp: Ông Huỳnh Khắc V; Sinh năm: 1958; Trú tại: 183 đường SH, Phường J, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Ôn Thị Linh T1; Sinh năm: 1984; Thường trú: 45/4 đường PPT, Phường C, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 36/16 đường số D, phường ALA, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Phước Bình A; Sinh năm: 2003; Thường trú: 79B tổ 7, ấp 1, xã XTS, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 42 đường 4A, dân cư ĐPV, xã BH, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

3. Bà Trần Thị N; Sinh năm: 1960; Trú tại: 183 đường SH, Phường J, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

4. Bà Trần Thị L1; Sinh năm: 1998; Thường trú: Thôn NM, xã PC, huyện ĐP, tỉnh Quảng Ngãi; Chỗ ở: Ấp BC, xã NĐ, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

5. Ông Mạc Quốc Đ; Sinh năm: 1982; Trú tại: 307/28 đường PVK, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

6. Ông Nguyễn Minh Ph; Sinh năm: 1989; Thường trú: 018A Chung cư NLC, phường TQ, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 36 đường NTH, Phường K, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Đức T cùng vợ là Trần Thị L1 đến thuê phòng 213 khách sạn HM (thuộc Doanh nghiệp tư nhân KSNH), địa chỉ 61-63 đường BP, Phường K, Quận F để ở từ tháng 8/2023. Vào lúc 02 giờ 30 phút ngày 19/9/2023, trong lúc đang đứng hút thuốc ở sảnh của khách sạn, T thấy bà Ôn Thị Linh T1 điều khiển xe gắn máy hiệu Yamaha C125 biển số 59K2-865.91 đến gọi cửa để thuê phòng nhưng không có ai nghe nên báo cho nhân viên lễ tân biết để mở cửa cho bà T1. Trong lúc bà T1 làm thủ tục nhận phòng, T giúp bà T1 dẫn xe vào gửi trong khách sạn (không có thẻ xe, nhưng có nhân viên khách sạn trông coi, chìa khóa xe bà T1 cất giữ). Đến 10 giờ 50 phút cùng ngày, sau khi thuê xe chở Trần Thị L1 đến lưu trú tại khách sạn 839 đường LHP, Phường L, Quận J, T về phòng thu dọn đồ đạc, rồi xuống quầy lễ tân làm thủ tục trả phòng. Lúc này, T thấy chiếc xe gắn máy hiệu Yamaha C125 biển số 59K2-865.91 của bà T1 vẫn đang gửi tại khách sạn, nên nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe này. Lợi dụng lúc ông Nguyễn Phước Bình A (nhân viên lễ tân) đang tư vấn cho khách đến thuê phòng không để ý, T đến dẫn chiếc xe của bà T1 ra

ngoài tàu thoát. Sau đó, T đẩy bộ chiếc xe đến tiệm sửa xe AC, địa chỉ 167 đường NVL, Phường L, Quận F nói mất chìa khóa và nhờ ông Mạc Quốc Đ sửa ổ khóa xe, nhưng ông Đ nói không sửa được, nên T gửi xe lại cho tiệm rồi bỏ đi. Sau đó, T gọi điện nói cho Vũ Trung K (thông qua tài khoản Zalo, có số điện thoại 0909920992) biết việc T vừa lấy trộm được chiếc xe gắn máy hiệu Yamaha C125 biển số 59K2-865.91, đồng thời nhờ K bán giúp, K đồng ý mua chiếc xe trên với giá từ 18.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng và yêu cầu T đem xe qua phòng trọ của K, địa chỉ 36 đường nth, Phường K, quận PN, nhưng do T không thể đem xe qua nhà giao cho K, nên K đã thuê 01 chiếc xe ô tô loại 16 chỗ đến tiệm sửa xe AC lấy chiếc xe đem về để tại phòng trọ (số 36 đường NTH), đồng thời trả trước 1.000.000 đồng tiền mua xe cho T thông qua số tài khoản 0932015983 của Trần Thị L1 mở tại Ngân hàng VP Bank.

Đến 12 giờ cùng ngày, bà Ôn Thị Linh T1 xuống lấy xe thì phát hiện bị mất, nên báo nhân viên lễ tân biết. Qua kiểm tra Camera ghi hình, phát hiện Lê Đức T chính là người đã lấy trộm chiếc xe của bà T1 nên báo Công an Phường K, Quận F giải quyết.

Từ dữ liệu Camera an ninh, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 triệu tập Lê Đức T lên trụ sở làm việc. Qua đấu tranh, T khai nhận đã thực hiện hành vi nêu trên.

Quá trình điều tra, ông Nguyễn Minh Ph (chủ khu nhà trọ số 36 đường NTH, Phường K, quận PN - nơi Vũ Trung K thuê ở) đã giao nộp chiếc xe gắn máy hiệu Yamaha C125, màu xanh đen, biển số 59K2-865.91 (số khung 83G113470, số máy 83G113470) cho Cơ quan điều tra Công an Quận 6.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 89/KL-HĐĐGTS ngày 26 tháng 9 năm 2023, Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự Quận 6 đã kết luận trị giá của chiếc xe gắn máy hiệu Yamaha C125, màu xanh đen, biển số 59K2-865.91, số khung 83G113470, số máy 83G113470 (tình trạng sử dụng còn khoảng 90%) tại thời điểm ngày 19/9/2024 là: 250.000.000 đồng.

Theo kết quả xét nghiệm chất ma túy ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Trạm y tế Phường K, Quận F, Lê Đức T dương tính với Methamphetamine.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự (Quyết định số: 154/QĐ-ĐCSHS); khởi tố bị can đối với Lê Đức T về tội «Trộm cắp tài sản» theo quy định tại khoản 3 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Quyết định số: 155/QĐ-ĐCSHS).

Từ lời khai của Lê Đức T, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 xác định người mua chiếc xe gắn máy hiệu Yamaha C125, màu xanh đen, biển số 59K2-865.91 của T là Vũ Trung K; Sinh ngày: 17/8/1992; Hộ khẩu thường trú: Tổ 8, ấp 10, xã SR, huyện CM, tỉnh Đồng Nai; Tạm trú: 36 đường NTH, Phường K, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh; Con ông: Vũ Văn T2 và bà Nguyễn Thị V1, nhưng đã bỏ địa phương đi đâu không rõ. Ngày 23/10/2023, Cơ quan điều tra đã ra

Quyết định truy tìm đối với K (Quyết định số: 50/QĐ-ĐCSHS). Khi nào bắt được đối tượng này điều tra làm rõ giải quyết sau.

Đối với ông Mạc Quốc Đ, bà Trần Thị L1, quá trình điều tra xác định không liên quan gì đến hành vi phạm tội của Lê Đức T. Mặt khác, bà L1 cũng không biết số tiền 1.000.000 đồng mà Vũ Trung K chuyển vào tài khoản của bà là tiền do Lê Đức T phạm tội mà có, nên không đủ cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tại Cáo trạng số: 67/CT-VKS-Q6 ngày 20 tháng 5 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Lê Đức T về tội «Trộm cắp tài sản» theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Bị cáo Lê Đức T khai nhận chính bị cáo, đã thực hiện hành vi lấy trộm 01 chiếc xe gắn máy hiệu Yamaha C125, màu xanh đen, biển số 59K2-865.91 tại khu vực sảnh khách sạn HM, địa chỉ 61-63 đường BP, Phường K, Quận F vào khoảng 11 giờ ngày 19/9/2023 như nội dung bản cáo trạng nêu. Ngoài ra, bị cáo khai chiếc điện thoại di động hiệu Samsung A02S màu đen là của bị cáo bỏ tiền mua để hai vợ chồng cùng sử dụng và ngày 19/9/2023, bị cáo đã sử dụng chiếc điện thoại này để liên lạc với Vũ Trung K trong việc bán chiếc xe gắn máy biển số 59K2-865.91.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lê Đức T như bản cáo trạng và sau khi phân tích Th chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Phạt bị cáo Lê Đức T từ 08 năm đến 09 năm tù về tội «Trộm cắp tài sản» theo điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Không phạt tiền đối với bị cáo, do bị cáo không có khả năng thi hành.

Buộc bị cáo Lê Đức T nộp lại 1.000.000 đồng, là tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội để sung vào ngân sách nhà nước.

Về bồi thường thiệt hại: Không yêu cầu, nên không đề nghị giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung A02S màu đen.

Tịch thu, tiêu hủy: 01 áo thun màu đen; 01 quần Jean dài màu xanh.

Còn các vật chứng khác, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 đã xử lý xong, nên không đề nghị xử lý.

Đối với 01 USB (chứa file dữ liệu ghi lại hình ảnh liên quan đến việc Lê Đức T lấy trộm xe tại khách sạn HM, địa chỉ 61-63 đường BP, Phường K, Quận F vào ngày 29/9/2023) do bà Trần Thị N (quản lý khách sạn HM) cung cấp và 01 USB (chứa file dữ liệu ghi lại hình ảnh liên quan đến chiếc xe gắn máy biển số 59K2-865.91 để tại địa chỉ 36 đường NTH, Phường K, quận PN ngày 19/9/2023) do ông Nguyễn Minh Ph cung cấp, đều đã được niêm phong, bên ngoài có các

chữ ký ghi tên Trần Công Q và ba hình dấu tròn của Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, là chứng cứ lưu hồ sơ, nên không đề nghị xử lý.

Lời nói sau cùng, bị cáo Lê Đức T nhận thức được hành vi của bị cáo là sai, là vi phạm pháp luật nên không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử phạt bị cáo mức án nhẹ nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình, có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối chiếu lời khai của bị cáo Lê Đức T tại phiên tòa với Biên bản ghi nhận hình ảnh qua Camera; Biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu; Khám nghiệm hiện trường ngày 19/9/2023 của Công an Quận 6 (kèm bản ảnh); Kết luận định giá tài sản số: 89/KL-HĐĐGTS ngày 26/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự Quận 6; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Ôn Thị Linh T1, Nguyễn Phước Bình A, Nguyễn Minh Ph, Mạc Quốc Đ và của người làm chứng tại Cơ quan điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ, lời khai khác có trong hồ sơ, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lê Đức T đã phạm tội «Trộm cắp tài sản». Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây gọi tắt là Bộ luật hình sự năm 2015).

Bị cáo Lê Đức T đã lợi dụng sự sơ hở của nhân viên lễ tân khách sạn HM (thuộc Doanh nghiệp tư nhân KSNH), địa chỉ 61-63 đường BP, Phường K, Quận F, lén lút chiếm đoạt của bà Ôn Thị Linh T1 01 chiếc xe gắn máy hiệu Yamaha C125, màu xanh đen, biển số 59K2-865.91 (số khung 83G113470, số máy 83G113470) trị giá 250.000.000 đồng vào trưa ngày 19/9/2023 (thời điểm bị chiếm đoạt, chiếc xe thuộc quyền quản lý hợp pháp của khách sạn HM - phù hợp lời khai của các ông, bà Trần Thị N, Nguyễn Phước Bình A tại Cơ quan điều tra - bút lục 111, 178). Hành vi của bị cáo không những đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, trị an xã hội. Và tổng trị giá tài sản mà bị cáo chiếm đoạt theo định giá của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự Quận 6 là 250.000.000 đồng, do đó Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 truy tố bị cáo

về tội «Trộm cắp tài sản» thuộc trường hợp «tài sản bị chiếm đoạt trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng» theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Bị cáo Lê Đức T là người đã trưởng thành, bị cáo hoàn toàn có đủ khả năng nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi nguy hiểm cho xã hội và được quy định trong Bộ luật hình sự, nhưng do tham lam, lười lao động, chỉ vì muốn có tiền tiêu xài, mua ma túy sử dụng nhằm thỏa mãn cơn nghiện mà bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố tình thực hiện hành vi phạm tội nêu trên, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[3] Về nhân thân của bị cáo Lê Đức T: Ngày 07/11/2017, bị cáo bị Tòa án nhân dân Quận 6 quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở Cai nghiện bắt buộc 15 tháng về hành vi sử dụng chất ma túy. Lẽ ra bị cáo phải biết rèn luyện, tu dưỡng để trở thành người có ích cho gia đình, cho xã hội, nhưng ngược lại, vẫn tiếp tục sống buông thả và phạm tội. Cho thấy ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo là không tốt.

[4] Xét Th chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Lê Đức T là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Mặt khác, thời điểm bị bắt giữ kết quả xét nghiệm thể hiện bị cáo dương tính với ma túy, do đó Hội đồng xét xử thấy cần phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, nhằm đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo và để phòng ngừa chung, góp phần vào công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm trong tình hình hiện nay, nhất là các tội phạm về xâm phạm sở hữu. Tuy nhiên, xét bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu, nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự đối với bị cáo khi lượng hình theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[5] Những nhận định trên cũng là căn cứ để chấp nhận quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[6] Về hình phạt bổ sung:

[6.1] Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, bị cáo Lê Đức T còn có thể bị phạt tiền từ 05 triệu đồng đến 50 triệu đồng. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có việc làm, không có thu nhập, điều kiện kinh tế khó khăn. Vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6.2] Buộc bị cáo Lê Đức T nộp lại 1.000.000 đồng, là tiền bị cáo có được từ việc bán chiếc xe gắn máy hiệu Yamaha C125, màu xanh đen, biển số 59K2-865.91 cho Vũ Trung K để sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[7] Việc bồi thường thiệt hại: Doanh nghiệp tư nhân KSNH và bà Ôn Thị Linh T1 không có ý kiến hay yêu cầu gì về phần bồi thường, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Việc xử lý vật chứng:

[8.1] Phương tiện mà bị cáo Lê Đức T dùng vào việc phạm tội là 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung A02S màu đen, Hội đồng xét xử tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[8.2] Đối với 01 áo thun màu đen; 01 quần Jean dài màu xanh (bị cáo Lê Đức T mặc lúc lấy trộm tài sản), là vật không có giá trị hoặc không sử dụng được, nên Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

(theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 105/PNK ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Công an Quận 6; Quyết định chuyển vật chứng số: 57/QĐ-VKS-Q6 ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 6; Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 07 tháng 6 năm 2024 giữa Công an Quận 6 và Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6)

[8.3] Đối với chiếc xe gắn máy hiệu Yamaha C125, màu xanh đen, biển số 59K2-865.91 (số khung 83G113470, số máy 83G113470), Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại cho bà Ôn Thị Linh T1 (theo Biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 05/10/2023 - BL91), do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[8.4] Đối với 01 USB (chứa file dữ liệu ghi lại hình ảnh liên quan đến việc Lê Đức T lấy trộm xe tại khách sạn HM, địa chỉ 61-63 đường BP, Phường K, Quận F vào ngày 29/9/2023) do bà Trần Thị N (quản lý khách sạn HM) cung cấp và 01 USB (chứa file dữ liệu ghi lại hình ảnh liên quan đến chiếc xe gắn máy biển số 59K2-865.91 để tại địa chỉ 36 đường NTH, Phường K, quận PN ngày 19/9/2023) do ông Nguyễn Minh Ph cung cấp, đều đã được niêm phong, bên ngoài có các chữ ký ghi tên Trần Công Q và ba hình dấu tròn của Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, là chứng cứ lưu hồ sơ, do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[9] Đối với Vũ Trung K, hiện đã bỏ địa phương đi đâu không rõ và ngày 23/10/2023, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy tìm. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị lúc nào bắt được đối tượng này điều tra làm rõ xử lý sau, do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[9.1] Đối với ông Mạc Quốc Đ, bà Trần Thị L1, quá trình điều tra và tại phiên tòa, Viện kiểm sát xác định không liên quan gì đến hành vi phạm tội của Lê Đức T. Mặt khác, bà L1 cũng không biết rõ số tiền mà Vũ Trung K chuyển vào tài khoản của bà là tiền do Lê Đức T phạm tội mà có, nên không xem xét trách nhiệm pháp lý, do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[10] Về án phí: Bị cáo Lê Đức T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Lê Đức T** 08 (tám) năm tù về tội «Trộm cắp tài sản». Thời hạn tù Th từ ngày 21/9/2023.

- Căn cứ điểm a, điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a, điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Buộc bị cáo Lê Đức T nộp lại 1.000.000 (một triệu) đồng, là tiền bị cáo có được từ việc bán chiếc xe gắn máy hiệu Yamaha C125, màu xanh đen, biển số 59K2-865.91 cho Vũ Trung K để sung vào ngân sách nhà nước.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Samsung A02S màu đen.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) áo thun màu đen; 01 (một) quần Jean dài màu xanh.

(theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 07 tháng 6 năm 2024 giữa Công an Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh và Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh)

- Căn cứ khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Lê Đức T phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bị cáo Lê Đức T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 6;
- Công an Quận 6;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh (Phòng PV06);
- Chi cục THADS Quận 6;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ đến vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thùy Liên